

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 94-CP ngày 13-5-1970 về cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Từ khi hòa bình được lập lại năm 1954, đời sống của nhân dân ta ngày càng được nâng cao, mạng lưới bảo vệ sức khỏe lại được tổ chức rộng khắp và hoạt động có kết quả, nên tỷ lệ phát triển dân số ở miền Bắc nước ta tăng lên nhanh chóng.

Tình hình đó nói lên tính chất ưu việt của chế độ ta. Nhưng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc phát triển dân số phải cân đối với việc phát triển kinh tế. Mặt khác, Nhà nước ta còn phải tạo điều kiện cho phụ nữ học tập, công tác tốt và nuôi dạy con cái tốt.

Vi vậy, ngày 13-10-1963, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị số 99-TTg phát động cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Cuộc vận động tiến hành tương đối tốt, và được nhân dân, nhất là phụ nữ hưởng ứng tích cực, nên đến năm 1967 đã hạ được tỷ lệ phát triển dân số từ 3,4% xuống 2,5%.

Song mấy năm gần đây, cuộc vận động này không được duy trì thường xuyên nên mức sinh đẻ lại tăng lên nhanh chóng. Nguyên nhân chủ yếu là do một số cơ quan có trách nhiệm đã buông lỏng lãnh đạo cuộc vận động này và các ngành, các cấp, nhất là các cơ sở chưa làm tốt việc giáo dục quần chúng ý thức về sinh đẻ có kế hoạch và chưa hướng dẫn cũng như chưa tạo điều kiện cần thiết cho nhân dân thực hiện được kế hoạch sinh đẻ của mình.

Thường vụ của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 24-4-1970 quyết định:

1. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong tất cả các tỉnh, thành, chú trọng các thành phố Hà-nội, Hải-phòng, Quảng-ninh, Nam-dịnh, các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường và các tỉnh đồng bằng đông dân.

Đối tượng vận động là những cặp vợ chồng đã có hai con trở lên. Chú trọng vận động những người đẻ quá dày, sức khỏe kém, sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

Tích cực phấn đấu đẻ có thể trong vòng vài năm tới, tỷ lệ phát triển dân số ở miền Bắc nước ta xuống còn từ 2,2% đến 2,4% trong đó:

Các thành phố còn từ 1,8% đến 2%.

Các tỉnh đồng bằng còn từ 2,3% đến 2,5%.

Các cơ quan xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, số người đẻ trong một năm còn từ 10 đến 12% tổng số nữ công nhân, viên chức.

Đối với các dân tộc thiểu số ở vùng núi rẻo cao, cần khuyến khích phát triển dân số.

2. Kế hoạch Nhà nước cần có chỉ tiêu hướng dẫn về phát triển dân số. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần phối hợp với Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em đề ra chỉ tiêu phát triển dân số hàng năm đề các đoàn thể và các ngành có liên quan căn cứ vào đó vận động sinh đẻ có kế hoạch.

3. Các Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể phụ nữ, công đoàn, thanh niên có nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục, mục đích ý nghĩa của sinh đẻ có kế hoạch trong cán bộ, công nhân, nhân viên, hội viên và đoàn viên của mình và gương mẫu thực hiện.

4. Bộ Y tế có nhiệm vụ sản xuất và nhập thêm các loại thuốc, và vòng tránh thai, tổ chức thêm các cơ sở hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch, đặt vòng, nạo thai, v.v...

Các bộ, Ủy ban và cơ quan ngang Bộ, Ủy ban hành chính các cấp có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện quyết định này.

Hà-nội, ngày 13 tháng 5 năm 1970

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

QUYẾT ĐỊNH số 97-CP ngày 18-5-1970 về việc mở Trường đại học sư phạm miền núi.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 27-4-1966 của Thường vụ Hội đồng Chính phủ về phương hướng nhiệm vụ giáo dục trong những năm tới,

Căn cứ nhu cầu của Nhà nước về việc đào tạo giáo viên cấp III phổ thông và bồi túc văn hóa ở miền núi,

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 20-11-1963 của Hội đồng Chính phủ về quy chế các trường đại học và trung học chuyên nghiệp,

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay thành lập một trường đại học sư phạm cho miền núi đặt tại khu tự trị Việt-bắc. Trường lấy tên là Trường đại học sư phạm Việt-bắc.

Điều 2. — Trường đại học Sư phạm Việt-bắc có nhiệm vụ :

a) Đào tạo giáo viên cấp III phổ thông, giáo viên cấp III bổ túc văn hóa cho các tỉnh miền núi ;

b) Bồi dưỡng về văn hóa và nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên cấp II và cấp III phổ thông, giáo viên cấp II và cấp III bổ túc văn hóa công tác ở miền núi.

Điều 3. — Đối tượng chiêu sinh đề đào tạo của Trường đại học sư phạm Việt-bắc là :

— Học sinh tốt nghiệp lớp 10 phổ thông, chủ yếu và ưu tiên là con em các dân tộc thiểu số ; ngoài ra, có con em người kinh đã sống lâu năm ở miền núi hoặc ở miền xuôi lên tham gia xây dựng phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi ;

— Giáo viên cấp II toàn cấp phổ thông và bổ túc văn hóa công tác ở miền núi có đủ tiêu chuẩn được cử đi học ;

— Cán bộ, nhân viên các cơ quan Nhà nước quê miền núi hoặc đã công tác lâu năm ở miền núi có đủ tiêu chuẩn học đại học sư phạm.

Điều 4. — Trường đại học sư phạm Việt-bắc do một hiệu trưởng phụ trách, giúp việc hiệu trưởng có một số hiệu phó.

Điều 5. — Trường đại học sư phạm Việt-bắc chịu sự lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Ủy ban hành chính khu tự trị Việt-bắc.

Nội dung phân công và phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Ủy ban hành chính khu tự trị Việt-bắc trong việc lãnh đạo Trường đại học sư phạm sẽ có bản quy định cụ thể sau khi đã có sự bàn bạc nhất trí giữa Ủy ban hành chính khu tự trị Việt-bắc và Bộ Giáo dục.

Điều 6. — Quyết định này thay thế quyết định số 127-CP ngày 18-7-1966 của Hội đồng Chính phủ về việc mở Trường đại học sư phạm miền núi.

Điều 7. — Các ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ trưởng Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Chủ nhiệm Văn phòng Văn giáo Phủ Thủ tướng và Chủ tịch Ủy ban hành chính khu tự trị Việt-bắc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 18 tháng 5 năm 1970

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ số 80-TTg ngày 13-5-1970 về việc đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất trong hợp tác xã nông nghiệp.

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU CỦA PHONG TRÀO

Trong mấy năm vừa qua, chúng ta đã thu được những thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp, song tình trạng trì trệ vẫn nghiêm trọng. Sản xuất nông nghiệp bị giảm sút cả về diện tích, sản lượng, cả về lương thực và cây công nghiệp, trong khi đó dân số tiếp tục tăng. Vấn đề lương thực, thực phẩm đang là một khó khăn lớn, đòi hỏi phải được tập trung giải quyết thật khẩn trương và tích cực. Tình hình nông nghiệp như vậy do nhiều nguyên nhân và có quan hệ đến nhiều mặt mà chúng ta phải nghiên cứu giải quyết một cách toàn diện. Trước mắt, để đẩy mạnh sản xuất, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1970 về nông nghiệp, cần phải tích cực giải quyết tình trạng kém sút hiện nay về nhiều mặt, nhất là tình hình nông dân xã viên thiếu phấn khởi hăng say sản xuất tập thể. Có tình trạng này do nhiều mặt ta làm chưa tốt, nhưng một nguyên nhân trực tiếp và rất trọng yếu là buông lỏng công tác quản lý lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Bên cạnh đó, một số chính sách và việc thực hiện chính sách trong nông nghiệp như huy động nghĩa vụ lương thực, phân phối lương thực trong hợp tác xã, ... có những chỗ chưa thỏa đáng, chưa khuyến khích được tính tích cực của hợp tác xã và xã viên.

Tình trạng quản lý lao động của hợp tác xã còn kém hiện nay biểu hiện trên một số mặt như : việc phân bổ và sử dụng lao động chưa bảo đảm thực hiện tốt phương lương sản xuất ; việc huy động lao động, kể cả số người, số ngày, số giờ lao động thực tế trên đồng ruộng sản xuất còn ít, cán bộ xã và hợp tác xã nói chung chưa tích cực tham gia lao động sản xuất. Việc phân phối theo lao động chưa làm tốt. Chế độ định mức lao động, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, chưa được thực hiện tốt ; việc thực hiện ba khoán cho đội, khoán việc cho nhóm nhỏ ít nơi thực hiện chu đáo ; công tác bảo hộ lao động rất yếu ; bên cạnh đó, công cụ lao động đã thiếu lại xấu, v.v... Do những thiếu sót đó nên năng suất lao động quá thấp, làm ầu